

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÒNG 2
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN HÓC MÔN NĂM 2023
TRƯỜNG THCS ĐẶNG THỨC VỊNH

(Kèm theo Thông báo số 136 /TB-HĐTDVC ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	Họ và	Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ					Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Ghi chú (Ưu tiên)
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác			
1	Nguyễn Thị Thu	Phụng	Nữ	27/02/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý	
2	Vũ Thị Thanh	Sen	Nữ	25/05/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý	
3	Nguyễn Thị Trường	An	Nữ	19/01/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Địa lý				Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Địa lý	
4	Trần Thị Trúc	Linh	Nữ	16/05/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	
5	Nguyễn Thị Thanh	Cúc	Nữ	15/01/1997	Kinh	Thạc sĩ	Hóa lý thuyết và Hóa lý; Sư phạm Hóa học	Ielts 5.0	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	
6	Trương Ngọc Hoàng	Quyên	Nữ	23/12/1998	Kinh	Đại học	Sư phạm Hóa học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Hóa học	
7	Nguyễn Thị Minh	Thư	Nữ	19/06/1997	Kinh	Đại học	Ngữ văn	A2	MOS	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	
8	Bùi Việt	Bắc	Nam	27/09/1996	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	C	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	
9	Trịnh Thị Thuý	Linh	Nữ	16/06/2000	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	
10	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	02/02/1980	Kinh	Đại học	Văn học			Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức sư phạm	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	
11	Đào Thị	Thúy	Nữ	02/02/1988	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	B		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	Con bệnh binh

STT	Họ và	Tên	Giới tính	Năm sinh	Dân tộc	Trình độ					Chức danh nghề nghiệp	Môn dự thi	Ghi chú (Ưu tiên)
						Chuyên môn	Chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tin học	Chứng chỉ khác			
12	Võ Thị Thuý	Giang	Nữ	03/02/1994	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	
13	Lê Huỳnh	Kim	Nữ	06/06/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	
14	Lưu Xuân	Vinh	Nam	15/06/1984	Kinh	Đại học	Ngữ Văn	B	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Ngữ văn	Con thương binh
15	Lê Thị	Lý	Nữ	01/02/1987	Kinh	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B	A		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên ngữ văn	
16	Hoàng Nhật	Thắng	Nam	14/04/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Sinh học	
17	Nguyễn Thị Thuý	Ân	Nữ	16/05/1997	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Sinh học	
18	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	10/07/1999	Kinh	Đại học	Sư phạm Sinh học	B1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Sinh học	
19	Nguyễn Hoàng	Nhân	Nam	10/10/1990	Kinh	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Pháp - B	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	
20	Lý Trọng	Nhân	Nam	21/10/1989	Kinh	Đại học	Ngữ văn Anh	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	
21	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	12/03/1998	Kinh	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	Giáo viên THCS hạng III	Giáo viên Tiếng Anh	
22	Trần Thủy	Tiên	Nữ	15/11/1998	Kinh	Trung cấp	Y sĩ	A2	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản		Nhân viên Y tế		
23	Lê Thị	Hải	Nữ	20/01/1984	Kinh	Trung cấp	Y sĩ	B	A		Nhân viên Y tế		

* Danh sách trên gồm 23 trường hợp./